**PL 1: Các tiêu chí được đánh giá ở mức 2**

| **STT** | **Mã số** | **Tiêu chí** | **Tồn tại** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | A1.6 | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | Tiểu mục 5, chưa có lưu ý cho người bệnh tuân thủ khi lấy bệnh phẩm hoặc làm các xét nghiệm, CĐHA, thăm dò chức năng |
| 2 | B1.2 | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện | Phân công nhân viên y tế trực đêm tại bệnh viện với tần suất 3ngày/lần |
| 3 | C6.1 | Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả | Tỷ lệ điều dưỡng trưởng có trình độ đại học chưa đạt 30% |
| 4 | C7.5 | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện | Chưa cung cấp suất ăn cho từng người |
| 5 | D2.5 | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã | Chiều cao của lan can và chấn song cửa sổ < 1m35 |
| 6 | E1.1 | Thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh | Tỷ lệ hộ sinh có trình độ cử nhân <30% tổng số hộ sinh của khoa sản (hiện tại 4/18 đạt 22%) |
| 7 | E1.2 | Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh | Biên bản không thể hiện đầy đủ các buổi tư vấn, không có chữ ký bác sĩ đầy đủ và đại diện người bệnh, không có phòng tư vấn |
| 8 | E1.3 | Thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ | Tỷ lệ các trường hợp mổ đẻ được thực hiện EENC trong 1 giờ đầu sau sinh đạt 1,42% (<30%) số trường hợp đủ điều kiện áp dụng |
| 9 | E2.1 | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa | Tỷ lệ điều dưỡng có trình độ cử nhân trở lên <30% tổng số điều dưỡng của khoa nhi |